TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HSST
Ngày 03/8/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Phước Tân**;
2. Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái**.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Huynh – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hứa Thoại Khương** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2018/HSST ngày 15/6/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị M, sinh năm 1967, tại A, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không có; chỗ ở: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ học vấn: Không biết chữ; Cha: Lê Văn D (chết); Mẹ: Trần Thị D (chết); anh chị em có 03 người, bị cáo là người thứ hai; chồng: Không; có 06 người con, con lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2006.

- Tiền sự: Chưa.

- Tiền án: Ngày 16/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, về tội "*Trộm cắp tài sản*", đã chấp hành xong hình phạt.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn B, sinh năm 1999, tại C, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; Cha: Phạm Phước T; Mẹ: Lê Thị M; anh chị em có 06 người, bị cáo là người thứ năm.

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/3/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia phiên tòa:

Bị hại:

- Nguyễn Văn M, sinh năm: 1974; cư trú: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Phạm Chí T, sinh năm: 1990; cư trú: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Văn T, sinh năm: 2006; cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

Giám hộ cho Nguyễn Văn T có ông Trần Văn C, sinh năm: 1955; cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. (có mặt)

- Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1994; cư trú: Khóm L, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Lê Thành R, sinh năm: 1992; cư trú: Khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 15/3/2018, Lê Thị M rủ 02 con ruột là Phạm Văn B và Nguyễn Văn T từ nhà ngụ khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang đến địa bàn huyện A tìm tài sản để trộm. B điều khiển xe mô tô 68AA – 028.49 chở M và T đi, khi đến thị trấn A, huyện A. B đến dịch vụ Internet N tại ấp A, thị trấn A chơi game và chờ, còn M dẫn T đi xung quanh khu vực thị trấn A giả vờ bán vé số nhưng mục đích là tìm sản để trộm. Khi đi ngang qua nhà anh Nguyễn Văn M tại ấp A, thị trấn A, huyện A thấy nhà mở cửa, không thấy người trong nhà nên T lén lút đột nhập vào nhà anh M lấy trộm 01 điện thoại di động Samsung J7 Prime, 01 máy Ipad 2, 01 đồng hồ thông minh rồi đi ra đường cùng M đi đến Trung tâm thương mại huyện A điện thoại cho B chở cả hai về nhà. Khi về đến nhà, M lấy đồng hồ thông minh cất giấu trong nhà, còn điện thoại và máy Ipad Mai đưa cho B mang đến thành phố L bán cho anh Nguyễn Tuấn A với giá 1.600.000 đồng rồi cùng nhau chia nhau tiêu xài hết.

Đến sáng ngày 29/3/2018, B tiếp tục điều khiển xe mô tô 68AA – 028.49 chở M, T đến thị trấn A, huyện A tìm tài sản lấy trộm. Cũng như lần trước B đi chơi game còn M dẫn T bán vé số để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi ngang qua nhà anh Phạm Chí T tại ấp A, thị trấn A, huyện A thấy nhà anh T mở cửa không người trong nhà nên Tài lén lút đột nhập vào nhà anh T lấy trộm 273.000 đồng rồi cùng M đi về C được một đoạn thì bị Công an thị trấn A phát hiện mời về trụ sở làm

việc. Qua làm việc M, B và T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp điện thoại di động Samsung J7 Prime, máy Ipad và đồng hồ thông minh của anh Nguyễn Văn M vào ngày 15/3/2018 nên Cơ quan điều tra, Công an huyện A ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với M và B để điều tra xử lý.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 23/KL.TSĐGTTHS ngày 03/4/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, trị giá 4.900.000 đồng.

+ 01 (một) máy tính bảng, hiệu Ipad 2, trị giá 4.800.000 đồng.

+ 01 (một) đồng hồ thông minh, trị giá 300.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên trị giá 10.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 28/VKS-HS ngày 14/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Lê Thị M và Phạm Văn B về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa, bị cáo M và bị cáo B đã khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị M với mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn B với mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 46, 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự về xử lý vật chứng trong vụ án.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh

An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo M, bị cáo B không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan em Nguyễn Văn T, người giám hộ cho em T là ông Nguyễn Văn C cùng có mặt; Bị hại Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và những người liên quan Nguyễn Tuấn A, Lê Thành R đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị cáo M đã khai nhận: Do cần tiền tiêu xài và mua thuốc trị bệnh nên bị cáo kêu 02 con B và T cùng bị cáo đi tìm tài sản trộm. B chạy xe chở bị cáo và T đến nơi cần lấy tài sản. B tìm nơi chờ, còn bị cáo và T giả vờ đi bán vé số, thấy nhà nào mở cửa, không có người thì T lẻn vào lấy trộm tài sản. Bị cáo lấy trộm 02 lần cụ thể: Ngày 15/3/2018 T lẻn vào nhà ông M lấy 01 điện thoại, 01 Ipad, 01 đồng hồ thông minh. Đồng hồ để ở nhà, điện thoại và máy tính bảng bán được 1.600.000 đồng. Ngày 29/3/2018 bị cáo T lẻn vào nhà một người tên T lấy được 273.000 đồng. Khi T lẻn vào nhà ông Mỹ, ông T lấy tài sản thì bị cáo ở ngoài.

Bị cáo B khai nhận trình bày: Do cần tiền tiêu xài và mua thuốc trị bệnh nên mẹ bị cáo bà M kêu bị cáo và T cùng đi tìm tài sản trộm. Bị cáo chạy xe chở bà M và T đến nơi cần lấy tài sản. Bị cáo tìm nơi chờ, còn bà M và T giả vờ đi bán vé số. Bị cáo cùng mẹ và T lấy trộm 02 lần cụ thể: Ngày 15/3/2018 T lẻn vào nhà ông M lấy 01 điện thoại, 01 Ipad, 01 đồng hồ thông minh. Đồng hồ để ở nhà, điện thoại và máy tính bảng bị cáo mạng đến thành phố L bán cho anh A được 1.600.000 đồng. Ngày 29/3/2018 bị cáo chở bà M và T đến thị trấn A, bị cáo đến tiệm game chờ, còn bà M và T tìm tài sản lấy trộm. Sau đó Công an thị trấn A mời bị cáo về làm việc, nghe nói T trộm tiền nên bị bắt. Xe gắn máy biển số 68AA-028.49 là của anh rể bị cáo tên R cho mượn.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người liên quan với các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Từ những lời khai và chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lê Thị M và bị cáo Phạm Văn B có hành vi cùng Nguyễn Văn T lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime, 01 máy tính bảng loại Ipad, 01 đồng hồ thông minh của ông Nguyễn Văn M trị giá 10.000.000 đồng và 273.000 đồng của ông Phạm Chí T. Tổng giá trị tài sản 10.273.000 đồng nên bị cáo M và bị cáo B đã cùng phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật

hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Pháp luật hình sự của Nhà nước ta nghiêm cấm bất kỳ ai, ở cương vị nào nếu chiếm đoạt tài sản của tổ chức hoặc cá nhân người khác trái pháp luật thì đều bị xử theo quy định.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn nên không được xem là phạm tội có tổ chức. Các bị cáo đều có vai trò khác nhau trong vụ án. Tuy nhiên, cần phải cá thể hóa vai trò của từng bị cáo để đưa ra hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể:

Đối với bị cáo M: Bị cáo M là mẹ ruột của bị cáo B và Nguyễn Văn T. Với vai trò là một người làm mẹ bị cáo phải dạy dỗ con cái thành người có ít cho xã hội nhưng do bản chất tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo đã lôi kéo, xúi giục 02 con ruột của mình vào con đường phạm tội. Chính bị cáo chủ động rủ bị cáo B và em T đi tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo M cùng em T tìm tài sản lấy trộm bằng hình thức giả vờ đi bán vé số, thấy nhà nào không có người thì em T đi vào nhà đó lấy tài sản.

Đối với bị có B: Bị cáo chỉ đóng vai trò là người chở Bị cáo M và Em T đến nơi cần lấy tài sản, không lấy tài sản nhưng bị cáo trực tiếp di tiêu thụ tài sản nên nên cũng chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là đồng phạm giúp sức nên hình phạt dành cho bị cáo B sẽ thấp hơn bị cáo M.

[4] Xét về nhân thân và lượng hình:

Bị cáo M có nhân thân xấu, có 01 tiền án. Ngày 16/11/2006, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, về tội "*Trộm cắp tài sản*", đồng thời bị cáo M phải liên đới với một bị cáo khác có nghĩa vụ nộp 9.600.000 đồng sung vào công quỹ nhà nước, liên đới nộp 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nhưng đến nay bị cáo M chưa thi hành nên bị cáo M chưa được xóa án tích, lần phạm tội này được xem là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo M xúi giục con ruột của bị cáo là Nguyễn Văn T, sinh năm 2006 là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo được xem là tình tiết tăng nặt theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Điều này chứng tỏ bản án trước đây cho bị cáo hưởng án treo không đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt nên cần phải có một hình phạt tương xứng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có đủ thời gian suy nghĩ về việc làm của mình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo B có thân thân tốt, chưa có tiền án tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Tuy nhiên cũng có xem xét cho bị cáo M, bị cáo B ở hành vi thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, các bị cáo. Riêng bị cáo B lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với Nguyễn Văn T, mặc dù là người trực tiếp thực hiện tội phạm nhưng do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên Công an điều tra Công an huyện A giao cho gia đình giáo dục là phù hợp.

Đối với Nguyễn Tuấn A đã mua điện thoại di động SungSung J7 và máy tính bảng loại Ipad là tài sản do B bán nhưng khi mua anh A không biết tài sản do phạm tội mà có và đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tài sản cho Cơ quan điều tra nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh A là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại, người liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về vật chứng được xử lý như sau:

01 (một) phiếu bảo hành lập ngày 23/10/2016 của Trung tâm điện thoại di dộng K, địa chỉ: Chợ A, A, An Giang. Trên phiếu ghi nhận: Loại máy: Samsung J Prime; số IMEL: 3498/0; 01 (một) vỏ hộp điện thoại có chữ Galaxy J7 Prime 32G, Color:Blach, IMEL: 353415/08/463498/0*. Đây là tài liệu của bị hại ông Nguyễn Văn M nên được trả cho ông M.

Công An huyện A thu từ bị cáo Mai 513.000 đồng, đã bồi thường cho bị hại Phạm Chí T 273.000 đồng, còn lại 240.000 đồng; 01 (một) điện thoại di dộng hiệu QLV Mobile màu đỏ, IMEL: 353142050542771 (đã qua sử dụng). Đây là tài sản của bị cáo M mang theo, không liên quan đến việc phạm tôi nên trả cho bị cáo M.

01 (một) giấy CMND mang tên Phạm Văn B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iTel It7100, màu xám xanh số IMEL: 357196080957033 (đã qua sử dụng). Đây là tài liệu, tài sản của bị cáo B mang theo, không liên quan đến việc phạm tôi nên trả cho bị cáo B.

01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 006036 tên Trương Quốc D; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, màu đỏ (tem Wave 110 màu đỏ), biển số 68AA – 028.49 (đã quan sử dụng). Đây là tài sản của ông Lê Thành R của bị cáo B mượn sử dụng. Việc bị cáo B dùng tài sản làm phương tiện phạm tội, ông R không biết nên trả các tài sản này cho ông R.

01 (một) túi bằng vải màu xanh nhà binh, trên túi có chữ hayrer. Đây là tài sản bị cáo M mua cho T sử dụng để cất giấu tài sản trộm nên tịch thu tiêu hủy.

Lẽ ra, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo hiện đang có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị M, bị cáo Phạm Văn B cùng phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị M 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 30/3/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn B 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 30/3/2018.

Căn cứ các Điều 46, 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả cho ông Nguyễn Văn M: 01 (một) phiếu bảo hành lập ngày 23/10/2016 của Trung tâm điện thoại di dộng K, địa chỉ: Chợ A, A, An Giang. Trên phiếu ghi nhận: Loại máy: Samsung J Prime; số IMEL: 3498/0; 01 (một) vỏ hộp điện thoại có chữ Galaxy J7 Prime 32G, Color:Blach, IMEL: 353415/08/463498/0*.

Trả cho bị cáo Lê Thị M: Tiền Việt Nam 240.000 đồng; 01 (một) điện thoại di dộng hiệu QLV Mobile màu đỏ, IMEL: 353142050542771 (đã qua sử dụng).

Trả cho bị cáo Phạm Văn B: 01 (một) giấy CMND mang tên Phạm Văn B; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iTel It7100, màu xám xanh số IMEL: 357196080957033 (đã qua sử dụng)

Trả cho ông Lê Thành R: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe số 006036 tên Trương Quốc D; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LONCIN, màu đỏ (tem Wave 110 màu đỏ), biển số 68AA – 028.49 (đã quan sử dụng).

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) túi bằng vải màu xanh nhà binh, trên túi có chữ hayrer.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 24/5/2018 giữa Công an huyện A và Chi cục thi hành án huyện A)

Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thị M, bị cáo Phạm Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm .

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền bồi thường) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Mai Việt Quốc

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Nhà tạm giữ;
- H/s N.Vụ CA
- Bị cáo;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;